

MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH

ThS. HOÀNG VĂN THÁI*

Đánh giá (ĐG) có mối liên hệ mật thiết với các yếu tố của quá trình dạy học ngoại ngữ chuyên ngành (NNCN), hoạt động kiểm tra ĐG là đòn bẩy thúc đẩy các thành tố của quá trình dạy học trong một chu trình khép kín gồm mục tiêu dạy học/chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ (NN), chương trình giáo dục, tổ chức quá trình dạy - học và ĐG. Từ thực tiễn đào tạo NNCN du lịch (DL), người viết đề xuất một số biện pháp đổi mới việc ĐG kết quả học tập NNCN của sinh viên (SV) ở các trường cao đẳng du lịch (CĐDL) như sau:

1. Xây dựng Chuẩn năng lực ngoại ngữ chuyên ngành du lịch (gọi tắt là NLNNDL).

- Nghiên cứu sự phát triển của khoa học đo lường ĐG NN dựa trên tiếp cận dạy học ngôn ngữ giao tiếp, tiếp cận tâm lí học hoạt động, lí thuyết ngôn ngữ chức năng, lí thuyết kiến tạo, đặc biệt kết quả nghiên cứu của Tom Hutchinson (1), Bachman và Palm (2), Trung tâm phát triển chuẩn NN Canada (3), Douglass (4), cộng đồng châu Âu (5), Ineta Luka (6) và các bộ tiêu chuẩn kĩ năng nghề DL Việt Nam - VTOS (7), chúng tôi đề xuất mô hình NLNNDL của SV các trường CĐDL bao gồm: - *Năng lực ngôn ngữ (năng lực ngữ pháp, năng lực ngôn bản, năng lực hành ngôn, năng lực ngôn ngữ xã hội)*; - *Năng lực chiến lược (ĐG, xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch, kiểm soát việc thực hiện)*; - *Năng lực chuyên môn (kiến thức về ngành và kiến thức chuyên môn nghề DL, kĩ năng chuyên môn nghề DL) được đặt trong hoạt động và kinh nghiệm của mỗi cá nhân thuộc lĩnh vực DL.*

- Chuẩn NLNNDL được phát triển trên cơ sở tham chiếu, ứng dụng Khung năng lực NN 6 bậc dùng cho Việt Nam (8). Trong mỗi mức chuẩn cần xác định rõ các chủ điểm, chủ đề cốt lõi, mức độ cụ thể theo thang bậc nhận thức, thang bậc tâm vận động và thang bậc thái độ, tình cảm của người học. Do vậy, chúng tôi đề xuất Chuẩn NLNNDL sử dụng trong các trường CĐDL đảm bảo chuẩn đầu ra, sự liên thông giữa các trình độ, ngành, nghề đào tạo gồm có 2 cấp với 4 bậc tương thích với Khung năng lực NN 6 bậc dùng cho Việt Nam và cũng phù hợp với việc triển khai các mô hình dạy, học NN khác nhau như: dạy, học NN tổng

quát; dạy, học NN chuyên ngành; dạy, học chuyên ngành bằng NN.

- Chuẩn NLNNDL bao gồm: 1) *Trình độ Sơ cấp (bậc 1 và bậc 2)*. Ở bậc 1 dạy, học NN tổng quát với các chủ điểm, chủ đề giao tiếp xã hội trong cuộc sống hàng ngày trong khoảng thời lượng từ 90-100 tiết/giờ học; ở bậc 2 bắt đầu dạy, học NNCN ở trình độ cơ bản với một số chủ điểm, chủ đề khái quát về hoạt động DL trong thời lượng khoảng từ 90-100 tiết/giờ học. Với tổng thời lượng từ 180-200 tiết/giờ học, người học đạt được trình độ tương đương A2 của Khung tham chiếu chung châu Âu; 2) *Trình độ Trung cấp (bậc 3 và bậc 4)*: Học NNCN nâng cao với các chủ điểm, chủ đề thuộc các chuyên ngành DL như lễ hành, hướng dẫn, khách sạn, nhà hàng, chế biến món ăn, hội nghị, hội thảo... với thời lượng từ 170-200 tiết/giờ học từ bậc 2 lên bậc 3, từ 150-200 tiết/giờ học từ bậc 3 lên bậc 4; tổng thời lượng đã học khoảng từ 350-400 tiết/giờ học dành cho bậc 3 và từ 500-600 tiết/giờ học dành cho bậc 4. Riêng ở bậc 4, để bảo đảm chuẩn đầu ra về năng lực NN, các trường CĐDL có thể bắt đầu triển khai tăng cường dạy, học NNCN theo mô hình dạy chuyên môn DL bằng NN ở một số chủ điểm, chủ đề chuyên môn của ngành DL...

Việc xây dựng Chuẩn NLNNDL để sử dụng thống nhất trong các cơ sở đào tạo chuyên về DL do một ban dưới sự chỉ đạo của Vụ Đào tạo, Bộ Văn hóa - Thể thao và DL thực hiện (bao gồm giáo viên, giảng viên trực tiếp giảng dạy NNCN ở các cơ sở đào tạo về DL, các chuyên gia nghề DL, chuyên gia về đo lường ĐG giáo dục, các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng và các nhà quản lí đào tạo tại các trường). Việc xây dựng chuẩn ĐG cho các chương trình đào tạo NN hiện có của ở mỗi nhà trường do cả bộ môn NN phối hợp với các chuyên gia nghề DL, các bộ quản lí chuyên trách ở các phòng chức năng. Các chuẩn ĐG này được xây dựng theo từng bài/chủ đề, chương/chủ điểm ở mỗi môn NN qua việc tiêu chí hóa nội dung dạy học theo chiều dọc hoặc theo chiều ngang.

Chuẩn NLNNDL có thể được xây dựng theo các cách tiếp cận sau: + *Phương pháp xây dựng chuẩn*

* Trường Cao đẳng du lịch Hà Nội

theo tiếp cận để kiểm tra (test-centered methods) - NLNCCNDL tối thiểu của người dự kiểm tra, thi được ĐG dựa trên độ khó của các câu hỏi (items)/độ tin cậy của mỗi câu hỏi trong một công cụ ĐG, trong đó phương pháp Angoff thường được sử dụng; + *Phương pháp xây dựng chuẩn theo tiếp cận người dự thi (examinee-centered methods)* - NLNCCNDL tối thiểu được xác định dựa trên những thể hiện của người dự thi thông qua việc sử dụng các tiêu chí mở để suy đoán năng lực NNCN của thí sinh, điểm chuẩn dựa trên kết quả của nhóm thí sinh khi làm cùng bài kiểm tra, thi, không phải là độ khó/độ giá trị của các câu hỏi; + *Sử dụng kết hợp cả hai hướng tiếp cận trên với sự vận dụng của lý thuyết hồi đáp (item response theory) và mô hình Rasch (Rasch model).*

2. Chuẩn hóa các cấu phần và công đoạn của quá trình ĐG

Thống nhất và pháp chế hóa các cấu phần cốt lõi của hệ thống ĐG toàn diện trong dạy và học NNCNDL ở Việt Nam bao gồm các loại hình ĐG: ĐG đầu vào (placement test), ĐG thường xuyên (formative assessment), ĐG đối sánh (benchmark assessment), ĐG kết thúc học kì, kết thúc khóa học (summative assessment).

Chuẩn hóa ba công đoạn của ĐG trong dạy học NNCNDL: - Chuẩn hóa quá trình thu thập thông tin ĐG thông qua việc ban hành các quy định về yêu cầu, kỹ thuật đối với chuẩn ĐG, hình thức ĐG, các phương pháp ĐG, công cụ ĐG và quá trình tổ chức thu thập thông tin ĐG; thực hiện thu thập thông tin theo đúng quy trình và đúng các quy định trong từng bước của quy trình; - Chuẩn hóa quá trình phân tích, xử lý thông tin đã thu thập thông qua việc ban hành quy định về xử lý thông tin định lượng, định tính, các dạng kết quả cần chú trọng, các phương pháp phân tích kết quả học tập; đảm bảo thực hiện các quy định về phân tích, xử lý thông tin đã quy định; - Chuẩn hóa quá trình sử dụng kết quả ĐG thông qua việc ban hành các quy định về sử dụng kết quả ĐG đã có để xác nhận trình độ NNCN của người học và đưa ra những quyết định điều chỉnh đối với hoạt động dạy học, chương trình giáo dục, chính sách NN của các nhà trường.

3. Sử dụng kết hợp các phương pháp ĐG truyền thống và ĐG thực kết quả học tập

Các phương pháp ĐG truyền thống thường chủ yếu sử dụng các bài kiểm tra trên giấy (gồm các câu hỏi dạng lựa chọn câu trả lời (selected - response items) như là câu hỏi đúng sai, đối chiếu, nhiều lựa chọn hoặc xây dựng câu trả lời dạng điền vào chỗ trống, viết câu trả lời ngắn, câu hỏi tự luận) thường liên quan đến lý thuyết ĐG ngôn ngữ đơn lẻ chỉ tập trung

vào ĐG các cấu trúc ngữ pháp, từ vựng, đọc hiểu, yếu tố văn hóa... độc lập và thường liên quan đến chuẩn nội dung (content standards). Các bài kiểm tra, thi theo quan niệm truyền thống thường dùng để ĐG kết quả học tập dựa trên nội dung chương trình học tập của môn học hay chương trình rèn luyện các kỹ năng, chức năng và mục tiêu trong quá trình đào tạo (ĐG chuẩn đoán, ĐG quá trình, ĐG tổng kết...) hoặc là dựa theo tiêu chí, chuẩn hay sự tiến bộ của bản thân người học. Với bài kiểm tra truyền thống, nội dung kiểm tra bị hạn chế và khó ĐG được đầy đủ mục tiêu đề ra trong dạy, học NNCNDL.

ĐG thực được sử dụng để chỉ nhiều phương pháp ĐG khác nhau nhằm mô tả hoạt động học tập, kết quả học tập, động cơ thúc đẩy và thái độ của người học về các hoạt động trên lớp học. *ĐG thực* trong dạy học NNCN đòi hỏi người học phải thể hiện những năng lực của mình như năng lực ngôn ngữ, năng lực chuyên môn, năng lực chiến lược, các kỹ năng mềm... trong quá trình kiến tạo một sản phẩm dưới dạng viết hoặc nói khi giải quyết các nhiệm vụ/yêu cầu cụ thể. *ĐG thực* giúp giảng viên đo lường thành tích học tập cả quá trình và cho phép người học bộc lộ quá trình học tập, tư duy và cách giải quyết vấn đề của họ, những gì họ biết và những gì họ không biết. Sử dụng *ĐG thực* sẽ cho những minh chứng thực chất và trực tiếp về kết quả học tập của người học. Khi áp dụng *ĐG thực* trong dạy học NNCN DL, hoạt động ĐG sẽ định hướng cho việc thiết kế và tổ chức triển khai chương trình đào tạo NN hiệu quả nhằm đạt được mục tiêu đào tạo NN là bảo đảm người học phải có năng lực sử dụng NN giải quyết tốt các tình huống chuyên môn trong thực tiễn hoạt động diễn ra tại các doanh nghiệp DL. *ĐG thực* sẽ giúp gắn kết kết quả học tập NN trong nhà trường với tình huống sử dụng NN trong bối cảnh thực của nghề nghiệp, do đó đây là liệu pháp hữu hiệu giúp đào tạo nhân lực gắn với yêu cầu của nhà tuyển dụng. *ĐG thực* thường gắn liền với *chuẩn thể hiện* (performance standards). Một số phương pháp *ĐG thực* được sử dụng phổ biến trong dạy học NN: ĐG thực hiện (performance assessment), ĐG qua hồ sơ học tập (Portfolios), người học tự ĐG (student self-assessment), ĐG đồng đẳng (peer assessment), nhật kí (journal), họp giữa giảng viên và người học (conference)... Với các phương pháp này, *ĐG thực* đã góp phần ĐG chính xác mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học. Khác với các phương pháp truyền thống thường được triển khai khi kết thúc quá trình dạy học, thời điểm quá muộn để điều chỉnh hoạt động dạy và học, ĐG thực được người dạy và người

học cùng nhau thực hiện thường xuyên, liên tục trong quá trình dạy học.

4. Kết hợp ĐG của giảng viên và tự ĐG của SV

Do đặc điểm đào tạo NNCNDL tiếp xúc nhiều với thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nên người học có nhiều thời gian để tự học, tự luyện tập. Nếu kết hợp tốt một số hình thức ĐG của giảng viên với hoạt động tự ĐG của người học sẽ giúp SV của các trường CĐDL tích cực chủ động hơn trong quá trình học tập. Cụ thể:

- Người học tự ĐG trên lớp dưới sự định hướng của giảng viên;
- Người học tự ĐG ở nhà thông qua sự hỗ trợ của ngân hàng câu hỏi ĐG và trợ giúp của máy vi tính, các phần mềm kiểm tra;
- Người học tự ĐG thông qua hồ sơ học tập, qua bảng tự ĐG, phiếu ĐG. Việc xây dựng các câu hỏi ĐG, nhiệm vụ ĐG, tiêu chí và hướng dẫn ĐG cụ thể ở mỗi chủ đề là rất quan trọng đối với giảng viên.

5. Tăng cường sử dụng công nghệ thông tin - truyền thông (CNTT-TT) trong ĐG

Có thể sử dụng CNTT-TT trong tất cả các loại hình ĐG đầu vào, thường xuyên, đối sánh, kết thúc; trong tất cả các khâu của quá trình ĐG như khâu chuẩn bị, tổ chức thu thập minh chứng, phân tích minh chứng, sử dụng và lưu trữ kết quả ĐG; trong xây dựng đề kiểm tra, thi; trong xây dựng hồ sơ học tập điện tử của mỗi người học; triển khai hoạt động tự ĐG thường xuyên hoặc ĐG kết thúc khi sử dụng các ngân hàng câu hỏi ĐG trên máy tính theo mô hình tự ĐG trên máy tính cá nhân, tự ĐG trên phòng máy tính kết nối mạng Lan và tự ĐG qua hệ thống kiểm tra trực tuyến trên Internet...

6. Chuẩn hóa cơ sở hạ tầng phục vụ công tác ĐG

Nâng cấp cơ sở hạ tầng cho công tác ĐG trong quá trình dạy học NNCN đạt chuẩn thông qua việc trang bị các phương tiện máy móc hiện đại (máy tính với cấu hình cao, máy in và photo tốc độ cao, máy scan, máy ảnh, máy quay phim, mạng nội bộ,...); thiết lập các cơ sở dữ liệu theo hệ đào tạo, theo ngành, chuyên ngành và nghề đào tạo; mua và sử dụng phần mềm hiện đại có bản quyền để nâng cao chất lượng xử lý dữ liệu; xây dựng thư viện câu hỏi, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra NNCN bao phủ cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết gắn với từng chủ điểm, chủ đề cốt lõi thuộc các lĩnh vực lý hành, hướng dẫn, khách sạn, nhà hàng, chế biến món ăn... để phục vụ cho từng loại hình ĐG.

7. Nâng cao năng lực đo lường và ĐG cho đội ngũ

Nâng cao năng lực đo lường và ĐG NN cho đội ngũ một cách chuyên sâu theo hướng gắn với việc thực hiện nhiệm vụ thông qua việc hỗ trợ giáo viên triển khai nghiên cứu lý luận cơ bản, nghiên cứu ứng

dụng triển khai, phân tích và xử lý số liệu, ĐG trên lớp học, ĐG theo chuẩn đầu ra, ĐG dựa trên năng lực thực hiện. Các trường CĐDL cần đặc biệt quan tâm bồi dưỡng kỹ năng lựa chọn và xây dựng công cụ ĐG thích hợp trên lớp học NNCNDL và phát triển hệ thống đơn vị/bộ phận chuyên trách về khảo thí NN thuộc các phòng/trung tâm hoặc khoa NN với đủ cơ cấu, số lượng và chất lượng.

8. Tăng cường hợp tác trong công tác khảo thí NN

Đo lường ĐG NNCNDL là một lĩnh vực hoàn toàn mới ở Việt Nam. Do đó, các trường CĐDL cần nỗ lực tìm kiếm, áp dụng những phương pháp, kỹ thuật, công nghệ, mô hình ĐG trong đào tạo NN tiên tiến hiện đại ở trong và ngoài nước, đặc biệt là của các tổ chức đào tạo và khảo thí NN có uy tín trên thế giới một cách sáng tạo và phù hợp với điều kiện thực tiễn ở mỗi nhà trường.

Mỗi giải pháp đổi mới ĐG kết quả học tập NNCN của SV các trường CĐDL đều có ý nghĩa quan trọng, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản phương thức và phương pháp thi, kiểm tra ĐG kết quả đào tạo NN theo hướng chuẩn hóa nhằm bảo đảm tính trung thực, khách quan trong xác định năng lực NN của người học, phát triển toàn diện năng lực của người học. Áp dụng đồng bộ và linh hoạt các biện pháp đổi mới ĐG trong đào tạo NNCNDL trên đây sẽ góp phần giúp các nhà trường đào tạo nhân lực có trình độ NN đáp ứng được yêu cầu của các chuẩn đầu ra về năng lực NN theo quy định, nhu cầu thực tế tại các doanh nghiệp DL. □

(1) Hutchinson, T. - Water, A. **English for Specific Purposes: A learning-center approach**, Cambridge University Press, 1987.

(2) Bachman, L.F. - Palmer, A.S. **Language testing in practice: Designing and Developing Useful Language Tests**. Oxford University Press, 1996.

(3) Grazyna Pawlikowska-Smith. **Canadian Language Benchmarks 2000: Theoretical framework**. Center for Canadian Language Benchmarks, 2002.

(4) Douglas, D. **Assessing Language for Specific Purposes**. Cambridge University Press, 2000.

(5) Council of Europe (2001). *Common European framework of reference for languages: Learning, teaching, assessment*. (Google search).

(6) Ineta Luka. "Development of Students' ESP Competence in Tertiary Studies". The paper presented at the international bilingual conference "Assessing language and (inter-) cultural competences in Higher

(Xem tiếp trang 61)

• Theo nghiệp vụ cũ: 1) GV viết lên bảng các chữ: e - b - be; 2) GV giảng, chữ này gọi là /e/, chữ này gọi là /b/, chữ này gọi là /be/; 3) HS nhắc lại theo GV: /e/ - /b/ - /b/ - /e/ - /be/.

• Theo phương án CGD: 1) GV giao việc: các em phát âm tiếng /ba/. HS nhắc lại, nói to /ba/; 2) GV giao việc: em phân tích tiếng /ba/ ra hai phần. HS vừa nói, vừa vỗ tay: /ba/ - /bờ/ - /a/ - /ba/.

1. GV giao việc: vẽ mô hình tiếng /ba/, chỉ rõ đâu là vị trí của /b/, của /a/?

HS thực hiện.

2. GV giao việc: các em phát âm âm /a/, chú ý đến cách phát âm, luồng hơi đi ra. GV phát âm mẫu, nói to /a/.

HS phát âm nhắc lại, nói to /a/.

3. GV: các em phát âm lại, nhận xét luồng hơi đi ra thế nào, bị cản hay tự do?

HS: luồng hơi đi ra tự do thoải mái.

4. GV: dùng lòng bàn tay hứng luồng hơi đi ra, xem nó đi ra tự do thoải mái như thế nào?

HS: (phát âm) có thể kéo dài thoải mái, cho đến hết hơi thì thôi.

5. GV giới thiệu: khi phát âm âm /a/, luồng hơi đi ra tự do, nên âm /a/ gọi là nguyên âm.

6. GV: Em nhận ra âm nào là nguyên âm /e/, /ê/, /i/, /m/, /n/, /ng/ ...

Như vậy, khi tự mình phát âm, HS nhận ra bản chất ngữ âm của âm vốn có tự nhiên trong cuộc sống thực. □

(1) Luật phổ cập giáo dục tiểu học. NXB Chính trị quốc gia, H. 2009.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD-ĐT. Kỷ yếu hội nghị “Đánh giá dạy học thí điểm tài liệu Tiếng Việt 1 - Công nghệ giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số năm học 2009-2010 và triển khai dạy học tài liệu Tiếng Việt 1 - Công nghệ giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số năm học 2010-2011”, Hà Nội, tháng 7/2010.

2. Hồ Ngọc Đại. Tài liệu tập huấn giáo viên dạy Tiếng Việt lớp 1 - Công nghệ giáo dục. NXB Giáo dục Việt Nam, H. 2012.

3. Nguyễn Kế Hào. “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục tiểu học”. Tạp chí Giáo dục, số 299/2012.

4. Nguyễn Kế Hào. “Đào tạo giáo viên phổ thông trong giai đoạn đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam”. Tạp chí Giáo dục, số 325/2014.

5. Nguyễn Kế Hào. “Trẻ em vượt “cửa ải” lớp một”. Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Tâm lý học và an toàn con người”. NXB Lao động, H. 2014.

6. Trần Đình Thuận - Phan Sắc Long. “Dạy học cả ngày - chiến lược đảm bảo và phát triển chất lượng

giáo dục tiểu học Việt Nam”. Tạp chí Giáo dục, số 299/2012.

7. Ngô Thị Tuyên. Nghiên cứu phương thức triển khai Tiếng Việt 1 Công nghệ giáo dục (CGD) về địa phương và đề xuất giải pháp tối ưu trong điều kiện hiện có. Viện Khoa học giáo dục Việt Nam. Trung tâm nghiên cứu Công nghệ giáo dục, 2011.

SUMMARY

Vietnam Communist Party and State always special care to education in the region, where ethnic minorities live. On the disadvantaged areas, maintaining universal Primary education and improving the quality of education are in the face of many difficulties. The article highlighted the limitations of teaching process of the Primary education in disadvantaged areas and pointed out a education solution to enhance the quality of teaching.

Một số biện pháp đổi mới đánh giá...

(Tiếp theo trang 53)

Education” in Finland, the University of Turku, 30-31 August, 2007.

(7) Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam. Tài liệu cho chương trình phát triển đào tạo viên VTOS, 2007.

(8) Bộ GD-ĐT. Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.

Tài liệu tham khảo

1. Cheng Ke. “Computer - based language testing: Perspectives of the past and the future”. Proceedings of 2009 4th International conference on Computer Science & Education.

2. Cheng Ke - Wang Yingwei - Hou Xiaoli - Yang Yajun. “Computer-assissted formative assessment in language classroom: Focus and Form”. Proceeding of the 6th International Conference Science & Education, Singapore, 2011.

SUMMARY

The paper proposes some practical measures for renovating the learning outcome assessment of languages for specific purposes among students in Tourism Colleges of under the management of the Ministry of Culture, Sports and Tourism, in the context of radical and comprehensive renovation of education and training in the spirit of the Resolution of 8th Conference of 11th Communist Party Central Committee.